TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HỒNG NGỰ** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2025/HS-ST
Ngày: 25-6-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Nông Phú.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Ngô Thị Lệ Nga.

Bà Lê Kim Tuyền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Y Phụng, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Ngô Hữu Ý - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 26/2025/TLST-HS ngày 06 tháng 6 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2025/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 6 năm 2025 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Thành S (còn có tên là T), sinh ngày 16/8/1998, tại Đồng Tháp. Nơi cư trú: Khóm T, thị trấn T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 6/12; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Nguyễn Tấn T1 và bà Huỳnh Thị A; Có vợ và 01 con; Tiền án, tiền sự: Chưa có; Tạm giữ: Từ ngày 15 đến ngày 24/10/2024; Tạm giam: Ngày 24/10/2024; có mặt.

2. Hồ Văn N (còn có tên là Nhờ M), sinh ngày 15/4/1999, tại Đồng Tháp. Nơi cư trú: Khóm T, thị trấn T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 9/12; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Hồ Văn M1 và bà Lê Thị N1; Có vợ và 01 con (khai tại phiên tòa); Tiền sự: Không; Tiền án: Bản án số 27/2017/HS-ST ngày 22/12/2017 của Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, xử phạt 07 năm tù về tội mua bán trái phép chất ma túy, chấp hành xong ngày 05/11/2022; Nhân thân: Bản án số 43/2024/HS-ST ngày 18/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, đã xử phạt 02 năm 06

tháng tù về tội tàng trữ trái phép chất ma túy, chưa chấp hành án; Bị bắt, tạm giam: Ngày 24/10/2024; có mặt.

3. Trương Trọng T2, sinh ngày 27/7/2004, tại Đồng Tháp. Nơi cư trú: Khóm T, thị trấn T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 6/12; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Trương Văn T3 và bà Trần Thanh S1; Có vợ và 01 con; Tiền án, tiền sự: Chưa có; Tạm giữ: Từ ngày 27 đến ngày 30/3/2025; Tạm giam: Ngày 30/3/2025; có mặt.

4. Bùi Văn Đoan K (còn có tên là P), sinh ngày 01/02/2001, tại Đồng Tháp. Nơi cư trú: Khóm T, thị trấn T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 01/12; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Bùi Văn C và bà Nguyễn Thị C1; Có vợ và 01 con; Tiền án: Chưa có; Tiền sự: Quyết xử phạt vi phạm hành chính số 05/QĐ-XPHC ngày 10 tháng 10 năm 2024 của Trưởng Công an thị trấn T, phạt tiền 1.500.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, chưa nộp phạt; Bị bắt, tạm giam: Ngày 27/12/2024; có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Lê Vũ L, sinh ngày 08/8/2001; nơi cư trú: Khóm T, thị trấn T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp; có mặt.

2. Huỳnh Văn Tấn L1, sinh ngày 01/01/1998; nơi cư trú: Ấp A, xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp; vắng mặt.

3. Lâm Thị T4, sinh năm 1975; nơi cư trú: Khóm T, thị trấn T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp; vắng mặt.

4. Đặng Chí H, sinh ngày 19/6/1986; nơi cư trú: Khóm S, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp; vắng mặt.

- *Người làm chứng*: Nguyễn Như Ý, Huỳnh Thị A, có mặt; Nguyễn Thành L2, Thái Văn T5, Lê Thị M2, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 13/10/2024, Hồ Văn N đến khu vực Cơ sở điều trị nghiện tại thị xã T, tỉnh An Giang mua 02 túi ma túy của người thanh niên (không rõ họ tên, địa chỉ), với giá 500.000 đồng. Nhờ đem ma túy về trại nuôi gà của Nguyễn Thành S (anh vợ của N) thuộc khóm T, thị trấn T, để sử dụng 01 mình. Trong quá trình sử dụng, phần còn lại bị ướt dính trong túi nylon nên N ném xuống gầm bàn, túi ma túy còn lại Nhờ để trên bàn tại trại gà.

Đến khoảng 17 giờ ngày 14/10/2024, N tiếp tục đến trại nuôi gà của S. Lúc này, có Nguyễn Thành S, Huỳnh Văn Tấn L1, Trương Trọng T2 và Lê Vũ L. Nhờ lấy túi ma túy (để trên bàn, ngày 13/10/2024) cắt đổ vào bộ dụng cụ của N đem đến trước đó, để cùng với S, L1, T2 và L sử dụng. Sử dụng hết ma túy của N, S đưa cho N 2.000.000 đồng mua ma túy để cả nhóm sử dụng. Nhờ dùng thuê bao số 0783.220.444 liên lạc với Đặng Chí H số thuê bao 0939.051.629 hỏi mua ma túy và thỏa thuận giao nhận ma túy. Sau khi thỏa thuận với H, N gọi điện thoại cho Bùi Văn Đ Khan số thuê bao 0329.813.003 thuê K đi lấy ma túy, với 200.000 đồng tiền công sau khi nhận được ma túy, K đồng ý. Sau đó, N đưa 2.000.000 đồng cho K. Do K không có xe, nên N nói với Trương Trọng T2 lấy xe mô tô điều khiển chở K đi lấy ma túy thì T2 đồng ý. Trước khi K và T2 đi lấy ma túy thì N đưa số điện thoại 0939.051.629 cho T2 để liên lạc hẹn địa điểm giao nhận ma túy. Sau khi thống nhất địa điểm, Tín điều khiển xe mô tô biển số 83H5-4408 (của bà Lâm Thị T4, mẹ vợ T2) chở K đến đường dẫn vào cầu S thuộc phường A, thành phố H (cách cầu khoảng 200m) thì có một người thanh niên (không rõ họ tên) chờ sẵn, đưa cho K một túi ma túy, K đưa cho người thanh niên 2.000.000 đồng. Sau khi nhận được ma túy, T2 chở K về, trên đường về đến cầu T thuộc thị trấn T, huyện H thì xe hết xăng. T2 gọi điện thoại cho N để hỗ trợ. Khoảng 10 phút sau, N điều khiển xe mô tô biển số 66G1-733.82 (của chị Nguyễn Như Ý, vợ N) đến đưa T2 50.000 đồng để đổ xăng, rồi chở K về trước. Khi về đến, K đưa ma túy cho S. Sau đó, K mượn xe của T2 đi mua nước uống. Lúc này, S đưa túi ma túy cho N cắt đổ vào bộ dụng cụ cho S, N, T2, L1 và L sử dụng, số ma túy còn lại trong túi nylon Nhờ để lại trên bàn. Trong lúc S, N, T2, L1 và L đang sử dụng ma túy thì lực lượng Công an phát hiện bắt quả tang, N chạy thoát.

Vật chứng thu giữ và xử lý:

- 01 (một) nỏ thủy tinh bị vỡ, trên mảnh vỡ của nỏ thủy tinh có bám tinh thể rắn, màu trắng, được niêm phong trong túi niêm phong mã số PS323008197 theo quy định pháp luật.

- 01 (một) túi nylon dạng nắp kẹp, có viền màu đỏ, bên trong có chứa tinh thể rắn và 01 túi nylon hàn kín hai đầu, một đầu cắt hở, bên trong còn bám tinh thể rắn, được niêm phong trong túi niêm phong mã số PS3 23008553.

- 01 (một) túi nylon hàn kín ba đầu, một đầu cắt hở, bên trong chứa tinh thể rắn, được niêm phong trong túi niêm phong mã số PS3 23008600.

- Các mẫu nước tiểu thu của Nguyễn Thành S, Trương Trọng T2, Lê Vũ L, Huỳnh Văn Tấn L1.

- 01 (một) bình thủy tinh trong suốt có hình con cá, trên bình có gắn đoạn ống hút nhựa màu vàng nối với đoạn ống hút nhựa màu sọc trắng, bình thủy tinh được gắn trên nắp đế tự chế; 01 (một) bật lửa bằng kim loại, màu đen; 01 (một) bật lửa màu đỏ; 01 (một) bật lửa bằng kim loại, màu vàng-đen; 01 (một) cây kéo

bằng kim loại, dài 8,5 cm, mũi kéo gắn đoạn ống hút nhựa màu xanh, cắt nhọn một đầu; 01 (một) cây kéo bằng kim loại, dài 16,2cm; 01 (một) con dao bằng kim loại, dài 24cm; 01 (một) chai gas nhãn hiệu Peace World, trên đầu chai gas có gắn đầu khò lửa nhãn hiệu Namilux; 01 (một) cây cân tiểu ly, màu bạc; 16 (mười sáu) túi nylon dạng nắp dán (tất cả đều qua sử dụng), là dụng cụ các bị cáo dùng để sử dụng ma túy.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S, màu hồng, gắn sim số 0783.220.444, bị cáo N dùng để liên lạc mua ma túy và liên lạc với bị cáo K đi lấy ma túy về sử dụng.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu VIVO Y21, màu tím bị cáo Trương Trọng T2 dùng để liên lạc nhận ma túy và liên lạc với bị cáo N để cung cấp ma túy để sử dụng.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Redmi Note 6 Pro, màu đen của bị cáo Nguyễn Thành S; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu POCO C40, màu vàng, của Huỳnh Văn Tấn L1; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu HUAWEI, màu xanh, của Lê Vũ L; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A55, màu đen của Đặng Chí H. Trong quá trình điều tra chứng minh không liên quan đến hành vi phạm tội.

- 01 xe mô tô, biển số 83H5-4408, nhãn hiệu Successful, màu sơn đen, đã qua sử dụng; 01 giấy đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 0019007 mang tên Thái Văn T5. Trong quá trình điều tra xác định xe mô tô do Lâm Thị T4 (mẹ vợ của bị cáo T2) mua lại của Vương Quốc H1 (cha chồng của bà T4). Qua làm việc với ông Thái Văn T5 đứng tên chủ sở hữu, đã bán xe này cho ông H1 vào năm 2008, không làm thủ tục sang tên. Bị cáo T2 sử dụng xe mô tô vào mục đích phạm tội.

- 01 xe mô tô, biển số 66G1-733.82, nhãn hiệu Honda, loại Vison, đã qua sử dụng, do chị Nguyễn Như Ý (vợ của bị cáo N) đứng tên chủ sở hữu. Bị cáo N dùng vào mục đích phạm tội thì chị Như Ý không biết. Cơ quan điều tra trả lại cho chị Nguyễn Như Ý.

- Đối với số thuê bao 0329.813.003, bị cáo Bùi Văn Đoan K dùng để liên lạc với bị cáo N đi lấy ma túy về sử dụng. Sau khi sự việc xảy ra, điện thoại của K bị mất, nên không đặt ra xem xét.

* Kết luận giám định số 1429/KL-KTHS, ngày 17/10/2024 của Phòng K1 Công an tỉnh Đ, kết luận:

- Nỏ thủy tinh bị vỡ, trên mảnh vỡ có bám dính chất trắng –đen, được niêm phong trong túi niêm phong mã số PS3 23008197 nêu trên gửi đi giám định là chất ma túy, loại Methamphetamine (số thứ thự 247mục IIC Danh mục II, Nghị định số 57/2022/NĐ-CP ngày 25/8/2022 của Chính phủ), không xác định được khối lượng do ít mẫu.

- Tinh thể rắn chứa trong 1 túi nylon dạng nắp kẹp một đầu viền màu đỏ và túi nylon hàn ký hai đầu, một đầu hở, được niêm phong trong túi niêm phong mã số PS3 23008553 nêu trên gửi giám định là chất ma túy, có tổng khối lượng 2,065 gam, loại Methamphetamine.

- Tinh thể rắn chứa trong 01 túi nylon hàn kín ba đầu, một đầu hở, được niêm phong trong túi niêm phong mã số NS3 23008600 nêu trên gửi giám định là chất ma túy, có khối lượng 0,556 gam, loại Methamphetamine.

* Kết luận giám định số 1451/KL-KTHS, ngày 23/10/2024 của Phòng K1 Công an tỉnh Đ, kết luận: Mẫu nước tiểu chứa trong chai nhựa trong suốt có nắp màu xanh đậy kín, ghi thu của ông Huỳnh Văn Tấn L1, sinh năm 1998, được thu giữ vào lúc 01 giờ 30 ngày 15/10/2024, được niêm phong có tìm thấy chất ma túy, loại Methamphetamine.

* Kết luận giám định số 1452/KL-KTHS, ngày 23/10/2024 của Phòng K1 Công an tỉnh Đ, kết luận: Mẫu nước tiểu chứa trong chai nhựa trong suốt có nắp màu xanh đậy kín, ghi thu của ông Nguyễn Thành S, sinh năm 1998, được thu giữ vào lúc 01 giờ 20 ngày 15/10/2024, được niêm phong có tìm thấy chất ma túy, loại Methamphetamine.

* Kết luận giám định số 1453/KL-KTHS, ngày 23/10/2024 của Phòng K1 Công an tỉnh Đ, kết luận: Mẫu nước tiểu chứa trong chai nhựa trong suốt có nắp màu xanh đậy kín, ghi thu của ông Lê Vũ L, sinh năm 2001, được thu giữ vào lúc 01 giờ 40 ngày 15/10/2024, được niêm phong có tìm thấy chất ma túy, loại Methamphetamine.

* Kết luận giám định số 1458/KL-KTHS, ngày 24/10/2024 của Phòng K1 Công an tỉnh Đ, kết luận: Mẫu nước tiểu chứa trong chai nhựa trong suốt có nắp màu xanh đậy kín, ghi thu của ông Trương Trọng T2, sinh năm 2004, được thu giữ vào lúc 01 giờ 40 ngày 15/10/2024, được niêm phong có tìm thấy chất ma túy, loại Methamphetamine.

Tại Cáo trạng truy tố số 26/CT-VKSHN ngày 05 tháng 6 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp; luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa, đề nghị: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thành S, Hồ Văn N, Trương Trọng T2, Bùi Văn Đoan K đồng phạm "Tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy"; các bị cáo Nguyễn Thành S và Hồ Văn N đồng phạm "Tội tàng trữ trái phép chất ma túy". Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 255; Điều 17; điểm c khoản 1 Điều 249, các Điều 38, 58; điểm s khoản 1, 2 Điều 51 và Điều 55 BLHS năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo S: 07 năm 06 tháng đến 08 năm tù về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy"; 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy"; Tổng hợp hình phạt: 09 năm 06 tháng đến 10 năm 06 tháng tù. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 255; Điều 17; điểm c khoản 1 Điều 249, các Điều 38, 58; điểm s khoản 1, 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52

và Điều 55 BLHS năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo N: 07 năm 06 tháng đến 08 năm tù về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy"; 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy"; Tổng hợp hình phạt: 09 năm đến 10 năm tù. Căn cứ các điểm b khoản 2 Điều 255; Điều 17; điểm s khoản 1, 2 Điều 51 BLHS 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, đề nghị xử phạt bị cáo Trương Trọng T2: 07 năm đến 07 năm 06 tháng về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy". Căn cứ các điểm b khoản 2 Điều 255; Điều 17; điểm s khoản 1, 2 Điều 51 BLHS 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, đề nghị xử phạt bị cáo Bùi Văn Đoan K: 07 năm đến 07 năm 06 tháng về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy". Về vật chứng và các vấn đề khác giữ nguyên như Cáo trạng đã công bố.

Bị cáo S không bào chữa, không tranh luận, không nói lời sau cùng.

Bị cáo N không bào chữa, tranh luận; chỉ nói lời sau cùng: Đề nghị xét xử giảm nhẹ để sớm về với gia đình, lo cho cha mẹ, vợ con.

Bị cáo T2 không bào chữa, tranh luận; chỉ nói lời sau cùng: Bị cáo đã biết ăn năn, hối cải, đề nghị xem xét giảm nhẹ để sớm về lo cho gia đình, vợ con.

Bị cáo K không bào chữa, tranh luận; chỉ nói lời sau cùng: Đề nghị xét xử giảm nhẹ để sớm về với gia đình, lo cho cha mẹ già.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với quy định của pháp luật. Bị cáo và người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận hành vi của mình như nội dung Cáo trạng, phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ thu thập trong hồ sơ vụ án, chứng minh được:

[3] Các bị cáo đều có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Bị cáo S cung cấp địa điểm (trại nuôi gà), ma túy loại Methamphetamine; bị cáo N cung cấp ma túy loại Methamphetamine, bộ dụng cụ; các bị cáo T2 và K giúp sức cho bị cáo N đi lấy ma túy để cung cấp ma túy cho S, N, T2, L1 và L cùng nhau sử dụng. Ngoài ra, bị cáo S tàng trữ ma túy loại Methamphetamine có khối lượng 2,065

gam, bị cáo N tàng trữ ma túy loại Methamphetamine có khối lượng 0,556 gam, mục đích sử dụng.

[4] BLHS quy định:

"Điều 17. Đồng phạm

1. Đồng phạm là trường hợp có hai người trở lên cố ý cùng thực hiện một tội phạm…"

"Điều 249. Tội tàng trữ trái phép chất ma túy

1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

c)… Methamphetamine... có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam;…

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản."

"Điều 255. Tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy

1. Người nào tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy dưới bất kỳ hình thức nào, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.

2. Phạm tội thuộc các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:…

b) Đối với 02 người trở lên;...

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, phạt quản chế, cấm cư trú từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản."

[5] Do đó, đã đủ căn cứ kết luận hành vi của các bị cáo Nguyễn Thành S, Hồ Văn N, Trương Trọng T2, Bùi Văn Đoan K đồng phạm "Tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 của BLHS và hành vi các bị cáo Nguyễn Thành S, Hồ Văn N phạm "Tội tàng trữ trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của BLHS. Như vậy, Viện kiểm sát truy tố các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[6] Các bị cáo cố ý cùng thực hiện tội phạm tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy nên thuộc trường hợp đồng phạm, nhưng là đồng phạm giản đơn. Trong đó, bị cáo S là chủ mưu, có vai trò chính cung cấp ma túy, địa điểm. Bị cáo N có vai trò thứ yếu là cung cấp ma túy, dụng cụ. Các bị cáo T2 và K có vai trò giúp sức đi lấy ma túy. Hội đồng xét xử xem xét khi quyết định hình phạt theo quy định tại Điều 58 của BLHS.

[7] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị cáo: Các bị cáo có lỗi cố ý trực tiếp và đã thực hiện tội phạm hoàn thành.

[8] Hậu quả do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra đã xâm phạm đến chế độ quản lý các chất ma túy, gây khó khăn cho việc kiểm soát chất ma túy của Nhà nước; ảnh hưởng rất nghiêm trọng đến an toàn, trật tự công cộng, sức khỏe và sự phát triển lành mạnh bình thường của con người. Ma túy là chất gây nghiện, chất hướng thần, việc mua bán, sử dụng phải được cơ quan chức năng của Nhà nước cho phép. Bởi lẽ, hậu quả của việc sử dụng trái phép chất ma túy gây ra cho xã hội là rất nặng nề, nó gây tác hại lâu dài cho nòi giống, phát sinh mâu thuẫn trong cộng đồng, làm tiêu hao tiền bạc của bản thân và gia đình của người sử dụng, gây tổn hại về tình cảm, ảnh hưởng đến đạo đức, thuần phong mỹ tục lâu dài của dân tộc. Ngoài ra, trong nhiều trường hợp, đối tượng nghiện muốn có tiền để sử dụng ma túy, còn có thể phát sinh các loại tội phạm khác như lừa đảo, trộm cắp, mại dâm, cướp tài sản, giết người...

[9] Hành vi của các bị cáo đã làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự ở địa phương, rất nguy hiểm cho xã hội, thể hiện sự bất chấp, xem thường pháp luật. Do đó, cần phải có mức hình phạt tương xứng, cần thiết cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định nhằm giáo dục các bị cáo trở thành công dân tốt và có tác dụng phòng ngừa chung, thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật.

[10] Về nhân thân, tiền án, tiền sự: Bị cáo N có 01 tiền án. Bị cáo K có 01 tiền sự. Nhân thân: Bị cáo N có 01 tiền án chưa chấp hành.

[11] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo N có 01 tiết tăng nặng là tái phạm theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS.

[12] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của BLHS; trình độ học vấn thấp nên hiểu biết pháp luật có phần hạn chế nên Hội đồng xét xử xem xét là tình tiết giảm nhẹ khác theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của BLHS. Căn cứ vào các tình tiết vừa nêu để giảm nhẹ cho các bị cáo khi quyết định hình phạt.

[13] Về hình phạt bổ sung: Điều kiện kinh tế của các bị cáo thu nhập không ổn định, nên không áp dụng hình phạt tiền bổ sung.

[14] Về trách nhiệm dân sự: Không có phát sinh nên không xem xét.

[15] Về xử lý vật chứng, đề nghị của Viện kiểm sát là phù hợp nên chấp nhận.

[16] Các vấn đề khác Viện kiểm sát không đề cập là phù hợp.

[17] Về án phí: Buộc các bị cáo chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố:

- 04 bị cáo: Nguyễn Thành S, Hồ Văn N, Trương Trọng T2 và Bùi Văn Đoan K đồng phạm "Tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy".

- 02 bị cáo: Nguyễn Thành S và Hồ Văn N phạm "Tội tàng trữ trái phép chất ma túy".

2. Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249, điểm b khoản 2 Điều 255, Điều 17, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, các Điều 55 và 58 của Bộ luật Hình sự,

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thành S 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù về "Tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" và 02 (hai) năm tù về "Tội tàng trữ trái phép chất ma túy", tổng hợp hình phạt chung là 09 (chín) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 15 tháng 10 năm 2024.

3. Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249, điểm b khoản 2 Điều 255, Điều 17, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, các Điều 55, 56 và 58 của Bộ luật Hình sự,

Xử phạt bị cáo Hồ Văn N 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù về "Tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" và 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về "Tội tàng trữ trái phép chất ma túy", tổng hợp hình phạt chung là 09 (chín) năm tù; tổng hợp với hình phạt 02 năm 06 tháng tù về "Tội tàng trữ trái phép chất ma túy" tại Bản án hình sự sơ thẩm số 43/2024/HS-ST ngày 18 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, buộc bị cáo Hồ Văn N phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 11 (mười một) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 24 tháng 10 năm 2024, được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 26 tháng 4 đến ngày 05 tháng 5 năm 2024.

4. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 255, Điều 17, điểm s khoản 1, khoản 2 các Điều 51 và 58 của Bộ luật Hình sự,

Xử phạt bị cáo Trương Trọng T2 07 (bảy) năm tù về "Tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy", thời hạn tù tính từ ngày 27 tháng 3 năm 2025.

5. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 255, Điều 17, điểm s khoản 1, khoản 2 các Điều 51 và 58 của Bộ luật Hình sự,

Xử phạt bị cáo Bùi Văn Đoan K 07 (bảy) năm tù về "Tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy", thời hạn tù tính từ ngày 27 tháng 12 năm 2025.

6. Về xử lý vật chứng, căn cứ khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy:

- Chất màu trắng – đen bám dính trên mảnh vở thủy tinh trong túi niêm phong mã số PS3 23008197 đã sử dụng hết trong quá trình giám định; nỏ thủy tinh và mảnh vở nỏ thủy tinh, được niêm phong lại ghi "Niêm phong số 1429, ngày 17/10/2024, có đóng dấu tròn màu đỏ của "Phòng K1 - Công an tỉnh Đ".

- Tinh thể rắn trong túi niêm phong mã số PS3 23008553 còn lại sau giám định có khối lượng 1,955 gam, được niêm phong lại trong phong bì ghi "Niêm phong số 1456/1, ngày 15/10/2024, có đóng hình dấu tròn màu đỏ của "Phòng K1- Công an tỉnh Đ".

- Tinh thể rắn trong túi niêm phong mã số NS3 23008600 còn lại sau giám định có khối lượng 0,458 gam, được niêm phong lại trong phong bì ghi "Niêm phong số 1456/2, ngày 15/10/2024, có đóng hình dấu tròn màu đỏ của "Phòng K1- Công an tỉnh Đ".

- 01 (một) bình thủy tinh trong suốt có hình con cá, trên bình có gắn đoạn ống hút nhựa màu vàng nối với đoạn ống hút nhựa màu sọc trắng, bình thủy tinh được gắn trên nắp đế tự chế; 01 (một) bật lửa bằng kim loại, màu đen; 01 (một) bật lửa màu đỏ; 01 (một) bật lửa bằng kim loại, màu vàng-đen; 01 (một) cây kéo bằng kim loại, dài 8,5 cm, mũi kéo gắn đoạn ống hút nhựa màu xanh, cắt nhọn một đầu; 01 (một) cây kéo bằng kim loại, dài 16,2cm; 01 (một) con dao bằng kim loại, dài 24cm; 01 (một) chai gas nhãn hiệu Peace World, trên đầu chai gas có gắn đầu khò lửa nhãn hiệu Namilux; 01 (một) cây cân tiểu ly, màu bạc; 16 (mười sáu) túi nylon dạng nắp dán.

Tịch thu sung công quỹ Nhà nước: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S, màu hồng, gắn sim số 0783.220.444; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu VIVO Y21, màu tím; 01 xe mô tô, biển số 83H5-4408, kèm theo giấy đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 0019007 mang tên Thái Văn T5.

- Trả lại 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Redmi Note 6 Pro, màu đen cho bị can Nguyễn Thành S; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu POCO C40, màu vàng cho Huỳnh Văn Tấn L1; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu HUAWEI, màu xanh cho Lê Vũ L; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A55, màu đen cho Đặng Chí H.

Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp đang quản lý theo Biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 09 tháng 6 năm 2025.

7. Về án phí, căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc các bị cáo Nguyễn Thành S, Hồ Văn N, Trương Trọng T2, Bùi Văn Đoan K mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

8. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 25 tháng 6 năm 2025). Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Bị cáo, bị hại (nếu có);
- Viện kiểm sát, Cơ quan điều tra cùng cấp;
- Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp;
- Cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền;
- Nơi đang giam giữ bị cáo (nếu có);
- Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền;
- Cơ quan, tổ chức, chính quyền địa phương nơi giám sát, giáo dục người được hưởng án treo (nếu có);
- Lưu hồ sơ vụ án, Văn phòng lưu trữ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Nông Phú